

Nghĩa quân đóng một đồn chính ở động chùa Tuyết và 4 đồn nữa là: Bảo Đài, Công Đại, quèn Gánh Gạo, Đồng Hến (cuối thung). Ở Bảo Đài, chùa hẹp nên chỉ đóng được một tiểu đội. Trại quân phải đóng dịch vào chỗ bể Cạn, vì đây là một đồi đất. Đê Yên đóng ở đồn chính, còn 4 hiệp quân đóng ở 4 đồn kia, trong đó có Tác Vi đóng ở Ba Tòa rồi sau rút vào Bảo Đài. Mỗi đồn đều có bếp rèn để đánh vũ khí như: dáo, mác, mã tấu và đúc súng thần công⁽¹⁾. Tổng số có 6 bếp rèn, mỗi bếp có mấy bễ sắt. Để phục vụ sản xuất vũ khí, nghĩa quân đã huy động nhiều thuyền chở vật liệu tới. Ngoài ra, có một đồn tiền tiêu đóng bí mật ở chợ Dầu (Kim Bảng) do Hiệp Cường đốc xuất và một đồn nữa ở thung Côm thuộc xã Hòa Lạc, huyện Mỹ Đức, ở phía Bắc dãy núi chùa Hương, cách Tuyết Sơn độ 10 km. Đồn này đóng thành doanh trại⁽²⁾.

Sự canh phòng trong căn cứ Tuyết Sơn rất nghiêm ngặt. Từ đồn Bảo Đài vào đồn chính phải

⁽¹⁾ Theo một số cụ già cho biết thì nghĩa quân đúc được 2 khẩu súng thần công. Theo tài liệu của Pháp "*Lính khố xanh Đông Dương*" thì dịch bắt được 1 khẩu thần công (loại nhỏ) lúc nghĩa quân tan ra.

⁽²⁾ Hiện nay nền nhà và chỗ vách núi làm nơi ăn uống còn dấu vàng ám khói.

qua cả thấy 5 trạm canh nữa. Đồn chính được xây dựng dựa vào vách núi, trong chia làm 2 phần: một bên dành cho chủ tướng Đề Yêm rộng hơn (nơi đây kiêm cả làm phòng hội họp của các tướng lĩnh), một bên dành cho vợ Đề Yêm nghỉ thì hẹp hơn. Những buổi họp bắt đầu từ sáng đến non trưa, các tướng lĩnh đều tề tựu đông đủ.

Về tuyển quân thì ví dụ sau minh họa cụ thể: Vương Văn Trí, Vương Văn Hậu là hai anh em họ, quê ở làng Đục Khê xung phong xin gia nhập nghĩa quân. Sau khi hỏi han quê quán, ý nghĩ của mỗi người, rồi Vương Văn Trí được nhận, còn Vương Văn Hậu thì được cho về, vì anh mắc phải cái tật chống gáy dễ nghe người khác nói và tật chống hơi nữa, người anh lại không được khỏe. Xem ra cách tuyển quân của Đề Yêm không những kén người khỏe mạnh mà còn kén cả tướng người.

Về huấn luyện: Quân sĩ được chia ra các cơ, đội, có tập luyện các môn võ côn, quyền, sử dụng đao, mác, mộc và tập bắn súng.

Thủ lĩnh Đề Yêm và những người đứng đầu cuộc khởi nghĩa rất chú trọng đến việc trang bị và cấp dưỡng cho nghĩa quân. Nhiều thầy đồ ở vùng

Vân Đình, huyện Ứng Hòa chuyên làm mũ bằng da và áo dây bằng giấy bản cũ bồi lại, làm xong cất giấu xuống hầm. Khi nào tiện thì chuyển vào Tuyết Sơn, cung cấp cho nghĩa quân.

Trong Tuyết Sơn có dự trữ được nhiều thóc lúa, muối ăn; trâu bò thì hàng đàn. Trước cửa đền chính dưới thung, chỗ cạnh gốc cây thị đi vào về bên tay phải có dựng một căn nhà để xay lúa giã gạo suốt ngày đêm, lấy gạo nuôi quân. Về ăn uống, nghĩa quân có tổ chức ban cấp dưỡng⁽¹⁾ hẳn hoi.

Ngoài ra, nghĩa quân còn chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục, bên kia gốc thị về tay trái có dựng một rạp hát thường xuyên diễn chèo, tuồng để động viên, kích thích tinh thần yêu nước, chí căm thù giặc xâm lược của quân sĩ và cũng để cho họ giải trí nữa. Nguyên là trong hàng ngũ nghĩa quân từ Bãi Sậy về đây đã có một đội tuồng

⁽¹⁾ Ông Hiền, ông Hương Mát là người làng Phú Yên. Lúc giặc Pháp đến vùng này lần đầu tiên, hai ông cùng nhân dân chạy vào Tuyết Sơn để tránh khủng bố. Hai ông đã tự nguyện đến ban cấp dưỡng này để nhận nhiệm vụ phân phối thức ăn và cơm nước cho dân làng.

chèo rồi. Vì vậy, khi đến các làng Yên Lạc, Đồng Lạc, Phú Yên, nghĩa quân đều tổ chức hát chèo cho quân lính và đồng bào xem. Ở các làng Tam Giáo, Mã Nã, nghĩa quân vừa đánh nhau với Pháp, vừa đánh trống hát chèo. Khi nghĩa quân về đến Tuyết Sơn, gánh hát của ông trùm Thịnh ở làng Hữu Vĩnh, huyện Ứng Hòa liền gia nhập hàng ngũ của thủ lĩnh Đề Yêm⁽¹⁾.

Nghĩa quân vào đóng ở Tuyết Sơn được độ mười hôm, bọn Pháp đánh hơi và kéo quân về đàn áp. Chúng đến bằng hai đường: một từ Ba Thá, huyện Mỹ Đức đi theo bờ sông Đáy qua kênh đào Phù Lưu Tế xuống; một về bên bờ trái qua Vân Đình, Bài Lâm sang. Đầu tiên chúng đến Đục Khê đóng ở đấy rồi cho người đi do thám, dò hỏi nhân dân. Không những ở làng Đục Khê này mà ở các làng xung quanh, tất cả những ai theo nghĩa quân thì đã vào căn cứ Tuyết Sơn. Số còn lại đều là những người dân

⁽¹⁾ Ở Vĩnh Sơn, huyện Kim Bảng có một người trước có gia nhập nghĩa quân Tuyết Sơn, sau lại theo Đề Thám. Khi về, ông ấy lại kể rằng: “Không có “loạn” nào lại vui như “loạn Tuyết Sơn” chỗ hát cứ hát, chỗ đánh nhau cứ đánh nhau

hiền lành, chất phác một lòng một dạ ủng hộ nghĩa quân Đề Yêm. Khi Pháp dò hỏi, họ đều một mực trả lời: “Không biết”. Chúng dụ dỗ nói ngon nói ngọt rồi cho quân đi lấy thóc lúa của những làng khác về phát cho dân, thậm chí còn dùng tiền bạc để mua chuộc mọi người. Rốt cục, chúng vẫn không đạt được mục đích đen tối. Chúng quay sang dọa nạt, khơi mào, gợi ý, song cũng chỉ biết được rằng nghĩa quân đã vào Tuyết Sơn.

Ba ngày sau, quân Pháp xuống đến Tiên Mai rồi đến Phú Yên. Khi biết tin giặc sắp tràn về, dân làng Phú Yên rút hết vào rừng, kiên quyết thực hiện khẩu hiệu “vườn không, nhà trống”, làm cho chúng không còn chỗ dựa nào.

Tiểu đội nghĩa quân đóng ở đình Phú Yên cũng rút vào đóng ở Ba Tòa. Đây là tốp tiên tiêu do Tác Vi, người làng Dộc (Thụy Sơn) đốc xuất. Đứng trước một khoảng núi non trùng điệp, hiểm trở, trong đó có những kẻ đối địch với mình, lại chưa biết lợi thế nơi này ra sao, chưa nắm được tình hình của đối phương thế nào nên quân Pháp đành phải lui về Đục Khê đóng lại. Cách đó ba hôm, chúng lại mò về Phú Yên và đóng ở đình. Một mặt

chúng cho dụ người về làng, đồng thời mở một cuộc họp gồm có chánh, phó công sứ Pháp, chánh, phó quản đạo Mỹ Đức và các võ quan khác để bàn mưu tính kế. Chúng dùng chước quỷ: cho lính đi lấy thóc ở các vùng xung quanh đem về phát chẩn cho dân làng. Ai nói nhà có nhiều người, chúng cho lưng thúng. Mặt khác, chúng cho người đi bắt dân phu các làng đến đắp ụ ở các cánh đồng Ngà (Phú Yên), Bùì (Độc Khê). Hiện nay, hai ụ súng ấy vẫn còn. Quân Pháp làm như vậy là để nấp và đặt bệ súng trên ụ nhằm bắn thẳng vào chùa Bảo Đài.

Một hôm, từ tờ mờ sáng, chưa có tiếng chim kêu, người còn ngái ngủ, bỗng vang lên tiếng súng “đùng, đoàng” từ hai ụ đất bắn vào chùa Bảo Đài. Thì ra quân Pháp đã khởi thế công. Chúng bắn rất nhiều đạn vào núi, vào cây, có viên rơi cả xuống nước. Ngược lại, nghĩa quân bắn lại ít, có lúc còn im bất, hình như không có chuyện gì xảy ra. Đến độ 8 giờ, nghĩa quân ở Ba Tòa mới nổ súng bắn xuyên sườn quân Pháp. Chúng bị đánh đòn bất ngờ, thành ra lúng túng phải chia hỏa lực về hai nơi và vội vã rút lui. Lúc ấy, Tác Vi nằm trên mái đền Ba Tòa truyền lệnh cho nghĩa quân bắn theo.

Thằng quan một Pháp trúng đạn. Chúng cho lính khố xanh tập trung bắn trả lại nghĩa quân và một số xúm lại khiêng xác thằng quan một chạy.

Hôm sau, chúng lại khởi thế công. Tờ mờ sáng, từ chỗ ụ đất chúng nổ súng vào Ba Tòa. Cánh quân này xả súng bắn lia lịa vào đó, lâu lắm chúng mới dám lên đèn thì té ra nghĩa quân không đóng ở đấy nữa mà đã rút vào Bảo Đài từ đêm hôm qua rồi. “Đùng, đoàng”, chúng bắn thêm ít phát súng nữa rồi rút về đình Phú Yên. Ít hôm sau, chúng dùng thuyền để tiến nhưng chết một nũi, hễ thuyền nào nhô lên khỏi Ba Tòa là nghĩa quân rót đạn tới. Một chiếc thuyền bị đắm, hai chiếc thuyền bị thương, luống cuống cả với nhau. Cuối cùng chúng phải rút lui. Rồi sau mấy lần thuyền cứ thập thò ra khỏi mỏm núi là bị nghĩa quân bắn ngay, địch không sao tiến được.

Một ngày khác, địch tiến bằng đường bộ theo lối Ba Quèn. Nhưng quân địch cứ chồm lên chân quèn là bên trong nghĩa quân đã biết rồi, vì có mặt gác. Nghĩa quân sẵn sàng nghênh chiến, tiêu diệt giặc. Mấy lần địch cố gắng sống chết tiến, nhưng

đều bị thiệt hại nặng, không sao xông vào được. Có lần, cánh quân bộ của chúng đến Ba Quèn. Một tên lính Pháp mò vào bãi lầy có sậy mọc um tùm, lập tức bị nghĩa quân nổ súng trừng trị. Trong đồn có tiếng loa truyền “Loa... oa. Bớ ba quân, ai lấy được đầu Tây, thầy sẽ trọng thưởng. Loa...oa”. Tiếng loa vừa dứt, một người một tay cầm mìn, một tay cầm mã tấu, lộn mìn xông ra, đó là đốc Nghê, quê ở làng Độc. Gần tới nơi, thằng Tây nhóm dây bắn luôn một phát, đốc Nghê trúng đạn số ruột ra, chạy được về đến đồn mới chết. Cả thầy, giặc Pháp xông vào khu vực nghĩa quân 4 trận, nhưng trận nào cũng không tiến được. Kết quả chúng chết một tên quan một Pháp, một số tên bị chết và bị thương. Chúng đành phải quay về nhưng để lại ở Phú Yên một bộ phận gồm 3 tên lính Pháp, còn toàn là lính tập (sau này chúng lấy vợ ở đây như sếp Tý lấy Nguyễn Thị Cảnh, đội Sán lấy bà Tề).

Trong thời gian trên, chùa Hỏa Quang⁽¹⁾ có 5 gian, 2 trái bị địch sửa lại thành trại đóng quân.

⁽¹⁾ Chùa Hỏa Quang nay không còn, nền chùa hiện nay còn cao hơn đất xung quanh và là ngôi nhà ở của cụ Hà Văn Dĩ.

Chúng còn khoét cả tường ra làm lỗ châu mai. Mục đích của chúng đóng quân ở đây để làm án ngữ, chặn đứng đường liên lạc tiếp tế của nghĩa quân. Mặc dù vậy, nghĩa dũng các nơi và lương thực vẫn liên tiếp đổ vào Tuyết Sơn bằng cách đi vòng sang bên trái hoặc sang bên phải làng Phú Yên để che mắt giặc.

Quân Pháp có một tàu chiến nhỏ thường thường chạy từ Phủ Lý lên để tiếp tế lương thực, đạn dược cho bọn lính đóng ở chùa Hỏa Quang. Nghĩa quân Đê Yên cắm trên núi Cửa Bịa một lá cờ. Cứ sáng sáng tàu chiến Pháp mò lên là chúng nhằm lá cờ mà bắn 4 phát đại bác. Chiều về, chúng lại bắn 3 phát. Chiếc tàu trên có nhiều khi đậu ở bờ tay phải sông Đáy, chỗ cánh đồng Quan Dã của làng Tiên Mai.

Tuy quân Pháp án ngữ xông xáo, nhưng nghĩa quân vẫn giữ được sự giao thông bình thường. Mỗi chuyến đi độ năm, ba chiếc thuyền để liên lạc, trao đổi tin tức với bên ngoài hoặc đi lấy lương thực. Nghĩa quân còn mang lúa gạo, cỗ lòng và thủ trâu, thủ bò giúp đỡ những người nghèo trong vùng. Việc phân phối đó do ban cấp dưỡng của nghĩa

quân chịu trách nhiệm. Một lần, thuyền nghĩa quân đi lấy lương thực về qua núi Vu Ốc ở cánh đồng Phú Yên, liền gọi: “Bố bố Chỉ có lấy cơm thì ra đây cho”. Ông Chỉ là một người nghèo ở núi Vu Ốc, ngày ngày kiếm cá sinh sống, đời sống hết sức khó khăn. Nghe tiếng gọi, ông liền bơi thuyền ra và được nghĩa quân cho một xanh bẩy thịt rang, một nồi thịt luộc và một thúng cơm. Nghĩa quân đi đi, về về trên sông Đáy là thường, nhưng phải có ám hiệu. Một lần, nghĩa quân do Hiệp Cường chỉ huy ở bên làng Phú Dư, tả ngạn sông Đáy sang. Người cầm cờ vừa ló ra liền bị quân Pháp bắn ngay. Nghĩa quân đành lui lại và tản vào bãi mía de um tùm⁽¹⁾ rồi rút về Phú Dư, không ai việc gì cả. Trận này xảy ra vào mùng một tháng 9 (âm lịch), năm Kỷ Sửu (1889).

Một lần khác, bất thần Pháp đem quân ập vào làng Hữu Vĩnh. Lúc đó, một số nghĩa quân đi tuyên truyền cổ động và dẫn nghĩa dũng nhập ngũ vừa về đến làng. Nghĩa quân liền dấu phăng vũ khí đi. Vì không có ai mách bảo nên địch có mất

⁽¹⁾ Mía de là một thứ mía cây nhỏ ngắn, vỏ cứng, trồng không bóc bẹ lá.

cũng như mù, nghĩa quân đứng ngay trước mặt mà chúng không biết. Chúng tìm mãi mà không thấy gì, đành phải rút thẳng. Nghĩa quân ra đi, vũ khí lại sẵn sàng trong tay.

Trong thời gian ở Tuyết Sơn, nghĩa quân có đi “mở bạc” hai lần ở chợ Đại thuộc huyện Kim Bảng, gần ga Đồng Văn bây giờ. Chợ Đại hồi ấy là chợ trâu bò to nhất của tỉnh Hà Nam. Nghĩa quân lấy tất cả trâu bò, đánh về hàng đàn qua đường 60 đến chợ Dầu rồi vào căn cứ. Được nhân dân ủng hộ, nên hai chuyến ra quân đều trót lọt. Có lần nghĩa quân đón trên sông, trưng thu cả một thuyền muối (xem phần: *Chuyện về một số tướng của nghĩa quân*).

Vì ở bến Đục Khê và các làng Tiên Mai, Phú Yên đều có bột đồn Tây khống chế nên sự ủng hộ của nhân dân phải rất kín đáo. Bên các làng Bài Lâm, Hữu Vĩnh, Phú Dư nhân dân ủng hộ nghĩa quân rất sôi nổi, có việc gì, hễ cứ ba hồi mõ nổi lên là hết thầy trai tráng, dân làng, mỗi người một thứ vũ khí như: gậy tây, thiết lĩnh, dao, mác... đến đủ mặt.

Trong các tướng lĩnh của nghĩa quân có Tác Vi giữ đồn Bảo Đài là tướng cũ của khởi nghĩa Bãi

Sậy và Táo Hoảm đều là họ Phan, người cùng làng Dộc, sát cánh cùng đốc Nghễ, nhiều đêm đã lội qua ngòi sang cánh đồng Quan Lã, thuộc làng Tiên Mai ra bờ sông Đáy, chỗ chiếc tàu của Tây đậu để quan sát. Họ tính toán dùng mưu phá tàu bằng cách lặn xuống nước đục tàu hoặc tìm phương pháp khác, nhưng vì địch canh phòng ngặt quá mà vũ khí của nghĩa quân còn thô sơ nên họ đành không thực hiện được ý định đó.

Ngót một năm vào Tuyết Sơn lập căn cứ chống quân Pháp, Đề Yêm đã tính đến bước đường có thể xảy ra, cho nên ông đã có những cuộc bàn luận và cho đem nhiều thứ vũ khí, đồ đạc bằng đồng cất giấu vào chùa Âm. Quân sĩ phải vận chuyển mấy ngày mới hết.

Vào một ngày hạ tuần tháng 9 năm Canh Dần (1890), trước đồn Đống Hến, phía cuối thung Tuyết Sơn, một nghĩa quân đứng canh. Anh trông khắp cả bốn bề không có gì lạ cả. Ngoài bến, anh em đồng đội đang tập tành đánh côn, múa kiếm, lộn mịch, lặn khiên, chỗ nào anh cũng thấy quen quen: hòn đá, cái cây, lối đi tuy khó khăn, nhưng

anh đều thuộc cả. Có lúc, anh ngược lên khoảng trời cao, mấy con diều hâu đang bay liệng trên nền mây vẫn đục. Con liệng lên, con liệng xuống, con là sát đỉnh núi cao. Chỗ này vách đá thẳng như bức tường. Anh nghĩ các tướng lĩnh của mình giỏi thật, chọn được nơi hiểm yếu thế này, địch vào sao được. Đường chính, tuy khúc khuỷu, gập ghềnh hiểm trở, nhưng có lối đi, đặt đồn canh là phải, chứ ở đây về thế núi kia, trừ địch có là con diều hâu mới mong xuống được, vậy còn đặt đồn ở đây làm gì?

Rồi anh tự hỏi: “Nếu địch đi lối này thì sao?” và tự trả lời: “Bao giờ việc quân cũng phải đề phòng, biết đâu được”. Anh miên man tính toán và nhớ đến nhiệm vụ của mình. Anh nhìn quanh bốn bên. Chợt anh mở tròn hai mắt, cố làm cho mắt mở căng thật to để nhìn thấy được cái gì lạ đang cử động phía đỉnh núi cao đằng tay trái kia. Hình như có người, à mà đúng, có cử động thật. Anh đánh ba tiếng mõ và quát hỏi:

- Ai, đi đâu, làm gì đấy?

Đốc canh cũng chạy ra. Trên núi có tiếng nói vọng xuống:

- Tôi là sơn tràng đi kiếm củi.

Sau đó, một rồi hai người đốc canh cũng quát hỏi tiếp:

- Anh em sơn tràng đi làm ăn phải có người nọ, người kia chứ, một mình làm sao nổi?.

Sau bọn chúng tăng dần nhiều lên. Đốc canh báo động đánh ba hồi mõ, mỗi hồi năm tiếng. Cả đồn trở nên nhộn nhịp. Đốc canh quát sảng, mấy tên mạo danh sơn tràng kia liền giơ súng bắn liền.

Thì ra hơn một năm rồi, quân Pháp không đánh được nghĩa quân. Án ngữ cũng thế thôi, chúng xoay sang cách khác. Chúng cho tên tri phủ Lý Nhân đòi tổng trưởng tổng Hoa Phong (nay là xã Khả Phong, huyện Kim Bảng) đến và truyền cho về tìm người thông thạo rừng núi vùng Cốc Nội, Ba Sao, Chi Nê. Tổng trưởng về tìm được một người ở thôn Vòng, xã Ba Sao dẫn đường cho chúng. Quan Tây phủ dụ và hứa sẽ trọng thưởng nếu đưa được đường cho chúng vào Tuyết Sơn.

Ngày thứ nhất tên này đi, Tây cho hai tên đội khố xanh đi theo. Ngày thứ hai, một tên đội về báo cáo Tây. Chúng cho thêm ba tên nữa đi vào phá

lối qua quệן “Chó cắn” có thể núi đứng thẳng như bức tường. Ngày thứ ba chúng cho quân vào thêm (tên Việt gian đó sau bị Tây đưa đi biệt tích cùng với gia đình hẳn).

Quân địch chiếm được cao điểm, nhưng kế cũng xa tâm hoạt động và lối xuống cũng không phải dễ gì.

Người chỉ huy nghĩa quân trận này là tướng Hiệp Cường. Quân ta đánh nhau với giặc ròng rã ba ngày, không bên nào chịu bên nào. Có lúc địch rà xuống thung, nhưng nghĩa quân vẫn vững vàng, kiên cường, đánh ráo riết khiến cho chúng chết nhiều, phải bật lên trên núi. Địa bàn này sau nhiều năm, nhân dân quanh vùng vẫn vào đó làm nương rẫy, nhưng không dám uống nước, vì biết được tại đây quân sĩ của cả hai bên chết thối (quân địch chết nhiều hơn quân ta).

Ngay từ lúc có tiếng súng nổ từ đồn Đồng Hến và có liên lạc báo về, Đề Yêm tức tốc vào đốc chiến ngay. Chiều ngày thứ ba, Đề Yêm đang đứng nấp vào hòn đá để quan sát trận địa thì một phát đạn của địch bắn vào hòn đá, mảnh đá bắn vào

mắt ông. Anh Trọng, một thanh niên khỏe mạnh, lanh trai, quê ở làng Hữu Vĩnh, huyện Ứng Hòa công chủ tướng lui về chùa Tuyết.

Đêm ấy, Đề Yêm dặn dò vợ. Ngoài anh Trọng ra, ông lấy thêm một tướng tâm phúc nữa quê ở tỉnh Bắc Giang rồi mấy thầy trò ra đi.

Đề Yêm sang Trung Quốc. Năm 1945, sau cuộc Tổng khởi nghĩa, vợ Đề Yêm còn sống đã nói chuyện với các con rằng: “Không biết ông Đề ở Tàu có về không? Nếu về thì có nhận ra mẹ con mình không?”

Sáng sớm ngày thứ tư, vợ Đề Yêm cho gọi: “Nhị bộ đâu?”. Bùi Văn Đổ, một tướng hầu, quê ở làng Yên Vĩ thưa rồi đi đến. Nhị bộ là người hầu gần, nhưng chỉ còn mình Đổ có mặt. Vợ Đề Yêm truyền: “Chủ tướng đã đi chữa mắt rồi, tuyệt đối phải giữ bí mật”. Bà cho đi mời ngay 5 dinh hồ tướng đến họp, trừ Hiệp Cường đang chỉ huy chiến đấu sẽ cử người đến thay, về báo lại.

Sau cuộc họp quan trọng này, các tướng lĩnh mới tính đường rút trong đêm ấy⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Có người nói; “Nghĩa quân bện người giả bằng cỏ cắm ở trại, đốt đuốc sáng cho địch ở xa trông lơnhững người là người”

Người ở lại chiến đấu, chặn hậu quân Pháp là Tác Vi. Tướng này cuối cùng bị đạn chết giữa đồn Đống Hến. Vợ hai Hiệp Cường cũng bị trúng đạn chết trong doanh trại. Trong lúc rút, nghĩa quân chia làm hai cánh: một rút theo lối quèn Gánh Gạo, quèn Côm rồi qua chùa Vua, núi Kính Lão. Đến đây, nghĩa quân mới giải tán, ai ở đâu về đấy. Lẻ tẻ số ít người phục vụ cấp dưỡng hay làm việc linh tinh khác ra lối Cống Đại, bò qua cánh đồng về làng Đục Khê như Đinh Văn Phê, Phạm Văn Chơi... Còn một cánh quân khác do tướng Xuân La(chưa điều tra được họ tên) và quản Cẩm bảo vệ vợ Đề Yên đang có chửa sắp đẻ, kéo ra lối Cống Đại, qua Yến Vĩ, Đục Khê về chợ Dầu, đỗ lại ở đây. Dân làng quanh vùng làm cơm mời nghĩa quân. Nghĩa quân không cho giết trâu bò, phải để lại cho nhân dân làm ruộng, chỉ cho làm lợn dấm ghém cho quân ăn thôi. Xong xuôi, nghĩa quân kéo ra Ngũ Bái, ngược Đồng Quan, Cống Thần (huyện Ứng Hòa) rồi lên Xuân La (huyện Phú Xuyên). Nghĩa quân đóng ở đình. Ngày hôm sau có cuộc họp bao gồm cả quân lẫn tướng. Vợ Đề Yên sau khi cho chém cả 5 tên do thám của Pháp mà nghĩa

quân bắt được, tuyên bố: “Nghĩa quân chúng ta hoạt động là để cứu nước, đuổi quân ngoại xâm, nhưng tình thế bây giờ không cho phép chúng ta tiếp tục sự nghiệp được nữa. Vậy truyền cho tướng sĩ giải tán”.

Quân Pháp rượt đuổi theo. Vợ Đề Yêm bị giặc bắt. Cán quân này tất cả, kể từ lúc chưa giải tán có độ trên trăm người.

Khi chúng áp giải về Hà Nội, đi giữa đường, vợ Đề Yêm trở dạ đẻ. Chúng cho bà vào ở nhờ một nhà dân bên đường. Bà đẻ xong mà không được trông thấy mặt mũi con ra sao, không biết là con trai hay con gái. Mấy tên lính bảo: “Nó chết rồi” và giục già tất cả lên đường. Vợ Đề Yêm phải đóng bịt chặt người, rồi chúng giải tán về giam ở Hà Nội.

Địch tra hỏi về Đề Yêm, nhưng bà vẫn một mực trả lời: “Không biết”. Căm tức, chúng liền tẩm dầu lửa vào để đốt mỗi, định châm vào đầu bà, rồi lại chặn thúng đút đầu bà vào để khai thác, nhưng bà vẫn nhất quyết không khai. Sau chúng hỏi về mồ mả của bố mẹ Đề Yêm, bà cũng không nói. Chúng chỉ dọa bà thôi, vì bà mới sinh nở. Bọn chúng còn giam bà thêm 3 năm nữa mới tha.

Nhớ lời chồng dặn lúc chia tay: “Tôi đi đây, ngày về chưa biết đến bao giờ, mình còn trẻ có thể tính đến việc đi bước nữa. Nhưng có lấy thì lấy người lưng cao, khố đen, chớ lấy tổng, lý, quan lại...”. Sau khi ở nhà giam về làng Đồng Lạc, bà ở với anh ruột là Hoàng Văn Thạch, lúc đó đương giữ chức lý trưởng. Bà là người rất đẹp, nhất là mới sinh nở một lần. “Gái một con trông mơn con mắt” nên một tên đô lai (thừa phái) đi ngựa, có người hầu, xách diều cấp tráp đến một hai đôi lấy bà. Người anh ép, nhưng bà kiên quyết từ chối. Sau bà bỏ đi, xuống quai giang Bình Chính (cùng huyện Kim Bảng) làm con nuôi một bà bán quà bánh. Năm sau, bà lấy một người rất nghèo, tên là Khoai làm nghề chở đò, quê ở Ninh Lão, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên. Bà đã làm đúng lời Đề Yêm dặn.

Sau khi nghĩa quân rút, nhân dân vùng Mỹ Đức sợ giặc Pháp về cần quét nên chạy cả vào núi. Lúc đó, bà nội ông Phạm Văn Khôi ở Phú Duy để cô của ông ở trong núi nên đặt tên cô là Tuyết để nhớ cuộc chạy giặc này. Năm 1963, bà Tuyết 74 tuổi.

Ngày mà nghĩa quân Tuyết Sơn rút là vào cuối tháng 3 (âm lịch), năm 1890, lúc ấy đã có mía

bói. Ông cụ để ra bà Hỷ (1963, bà Hỷ 87 tuổi) ở thôn Đục Khê đi tuần vãn lấy mía về cho con ăn.

Quân Pháp lúc bấy giờ chưa có máy vô tuyến điện và bưu vụ cũng chưa tổ chức được, nên trong Tuyết Sơn đánh nhau như vậy, rồi nghĩa quân rút mà ở chùa Hỏa Quang, quân địch không hay biết gì cả. Ở Đục Khê có tên phó lý Quế, tay sai của thực dân Pháp thường rêu rao: “Ai đem cò tam tài của Pháp cắm được vào Tuyết Sơn thì sẽ được trọng thưởng”. Hương Chế, tức Phạm Văn Chơi vừa rút ở Tuyết Sơn về liền đến phó lý Quế để nhận làm việc ấy. Hắn rất lấy làm hoan hỉ và ủy nhiệm cho Chơi ngay. Việc này, sau hắn nhận là công của hắn, được thực dân Pháp và phong kiến Nam triều cho làm “bang tá cầm phòng phủ nội”. Hắn được dịp lên nước hách dịch, đi đâu cũng đem túi roi đánh người, tác oai tác quái trong phủ Hoài An, nay là huyện Mỹ Đức. Ngoài ra, thực dân Pháp còn khen thưởng cho một số người nữa đã công giúp chúng, trong đó có Nguyễn Văn Thiều ở làng Yển Vĩ được xuất đội (xem phần: *Những di vật và tài liệu hiện còn*).

Mãi sau, thực dân Pháp cho người vào hỏi cánh quân chúng đóng ở đàng Chi Nê, Cốc Nội xem

trong đó có còn nghĩa quân không? Cánh quân này do một tên lý trưởng người Mường đi đường xuyên núi tìm nghĩa quân. Tên lý trưởng ra trước. Bọn Pháp hỏi, hấn ú ở trả lời không được nên bị chúng bắn chết ngay ở ao Quán (Đục Khê). Mãi sau thằng liên lạc của nó lạc đường mới lần ra được.

Tất cả những người có thể biết về nghĩa quân Tuyết Sơn đều nói chỉ huy nghĩa quân là một ông đê, người làng Đông Lạc. Cụ Từ Khương, 92 tuổi (1962) ở thôn Hữu Vĩnh, huyện Mỹ Đức nói đó là ông Đê Đồng (ngày xưa ta hay kiêng gọi tên húy mà chỉ gọi tên làng như ông nghề Giao Cù, cụ Hoàng Và hoặc Tam nguyên Yên Đổ). Còn phó đê đốc, tức phó sáy, một số người nói, đó là cai Đạt, quê ở Phù Sơn, xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng. Trong số nghĩa quân có những người chính quê ở Đông Lạc như đốc Sơn, anh em họ với Đê Yêm, sau vụ Tuyết Sơn tan không thấy về làng nữa. Dương Văn Soạn và Dương Văn Sĩa, hai người này có về làng, nhưng bị bọn lý dịch tố cáo, nên đành phải bỏ làng xuống vùng Sở Kiện (Kiện Khê), huyện Thanh Liêm cùng tỉnh để sinh sống. Mãi 15 năm sau họ mới dám trở về làng Đông Lạc.

Năm Tân Mão 1891, một tên quan ba Pháp đem quân về vùng Mỹ Đức khủng bố nhân dân. Đến làng Đục Khê, hắn thân chinh đốc thúc quân lính đi bắt người. Chúng đến thúc tổng Chùm đương làm tổng trưởng dẫn đường. Nhân dân đều lẩn tránh, không ai dám ra tiếp xúc với giặc. Túng thế, tổng Chùm cứ dẫn lính vào gặp các tên tổng lý khác và bảo: “Các anh làm công, làm việc phải ra hầu quan chứ”. Đi đường, gặp người dân nào, chúng cũng bắt luôn. Chúng giải những người dân này sang đình Chải, làng Hữu Vĩnh. Thằng quan ba Pháp cho quân đóng hàng loạt cọc ở ngoài sân, trói mỗi người vào một cọc, rồi hỏi:

- Giặc Đê Yêm có về làng không?

Người nào trả lời “không” là nó chém ngay. Những người như ông lý Thành, ông phó Học ở Đục Khê, ông xuất Thục ở Hữu Vĩnh và một số người ở Hội Xá, tất cả 14 người đều bị giặc chém. Cùng đi càn quét với thằng quan Pháp này có tri phủ Thường Tín, đóng ở phía chùa Tiên Mai, bên kia sông Đáy, thấy bọn Pháp giết người như vậy mới nói vọng sang:

- Cứ nhận là có đi, không thì nó chém hết.

Đến lượt tổng Chùm nói “có” nên nói thôi không giết nữa. Hôm ấy là mùng 5 tháng 6 (âm lịch). Vì vậy, hàng năm cứ đến ngày đó là nhân dân các làng nói trên có người bị địch giết đều tổ chức cúng giỗ người thân của mình. Để biểu thị tình cảm của bà con, nên con mỗi người bị giặc giết đều được dân làng tặng thêm tên nữa là “nhiêu”, không phải mất tiền và khao vọng gì cả. Riêng con ông phó Học ở Đục Khê được nhân dân bầu làm phó lý.

Trong lúc tên quan ba Pháp đi lùng bắt nhân dân, các cụ già bàn nhau cử ông lý Đỗ đem một nải chuối tiêu tiến về phía nó. Nó bẻ mấy quả ăn, còn ông lý Đỗ cứ đội mâm đi sau. Một tên lính hầu gạt lại và nói rằng: “Về đi, còn theo cho thêm mỗi tay tao”. Ông Tạ Văn Lẹp ở Tiên Mai nhảy xuống sông định trốn, bị chúng phát hiện, bắn chết ngay. Hôm đó là mùng 1 tháng 7 (âm lịch). Còn những người khác đến Tế Tiêu, Hà Ngũ thì chúng tha về như ông Dâu v.v...

Bọn địch còn bắt ông quản Hai là em Hiệp Cường và một người nữa đem về Phú Dư mới chém. Vì tên quan ba Pháp ác độc giết người không ghê tay

như thế nên nhân dân vùng này căm phẫn gọi nó là thằng Tây ngợ, Tây điên hay thằng “Ba càn”.

Khi về đến địa phận tỉnh Hà Nam, chúng bắt một người nữa là Thái, chưa rõ quê quán ở đâu, đem về làng Thụy Sơn, chỗ cây đa còng rồi chém. Chúng còn đem tác Hoắm về chém ở chợ Đại rồi bêu đầu ở làng Thụy Sơn, quê hương của ông để uy hiếp tinh thần dân làng. Địch đóng ở đây 3 ngày. Chúng bắt nhân dân phục dịch lợn, gà, cơm nước rất khổn đốn. Ác độc hơn nữa, chúng còn bắt 14 cụ già nhất làng ra đình Ba Xã ở gần núi Ngựa, trói vào cọc. “Ba càn” chưa cho chém, vì nó còn mải ngủ. Trong lúc đó, một người làng tên là trưởng Quàn, chân trong của tên Tây ở đồn Quang Thừa (đồn này mới lập) chạy lên bẩm với quan thầy. Thằng Tây này tên là Xà - lan (có lẽ tên thật là Chaland hay Sa land) phi ngựa xuống đình Ba Xã và cởi trói cho các cụ đang bị trói rồi cho về. Sau đó mới đánh thức “Ba càn” dậy và nói rằng: “Dân chúng ở đây không biết gì cả, chỉ biết vào rừng kiếm củi thôi”. Đây có lẽ là một mưu mẹo của địch xếp đặt ra để mỉa dân và gây uy tín cho tên quan Pháp ở đồn Quang Thừa mà thôi.

NHỮNG DI VẬT VÀ TÀI LIỆU HIỆN CÒN

Sau vụ tên “Ba càn” đàn áp, dân các làng quanh vùng như Phú Yên, Tiên Mai, Yên Vĩ, Đục Khê, An Duyệt, Trung Hòa... đều chạy lên núi cả, vì sợ Tây về càn. Cụ Nguyễn Thị Châu, 82 tuổi (1964) ở làng Phú Yên kể lại: lúc ấy cụ theo bố mẹ chạy lên núi trông xuống chỗ nghĩa quân đóng hàng dây nhà tranh, còn bỏ lại nhiều trâu, bò, lợn, nôi ba mươi. Về sau, em chồng cụ là Hồ Văn Khiết được cái nôi đồng to bằng cái nia, ngồi vào có thể bơi qua sông được. Hồi đó, mẹ chồng cụ tu trong động Tuyết Sơn, cứ mười hôm, người nhà mang gạo và thức ăn vào cho bà cụ. Đường lúc ấy rất khó đi, đến chỗ hai mỏm đá hai bên, ở giữa có khe, chân phải xoạc ra, tay phải vịn vào vách đá. Chính các nôi này, ai đi qua cũng vịn vào mà không biết, vì để lâu ngày nó mọc meo ra, trông tựa như đá rêu. Vả lại, rễ cây chằng chịt gần kín cả đít nôi. Em chồng cụ bước qua rồi, thấy con sâu đá bò ở phía trong nôi trượt rơi nên có một tiếng kêu khác với tiếng rơi xuống đá. Ông liền quay lại

xem xét và lấy sọng dao gõ vào chỗ hở của dít nồi, té ra là tiếng đồng. Sau, ông chặt quang hết các rễ và cây mới đem nồi ra được. Để nó ở nhà mãi chẳng dùng vào việc gì, ông mới đem đổi cho người hàng đồng để lấy những dụng cụ nhỏ, thành ra di vật ấy không còn nữa.

Theo lời các cụ già ở làng Phú Yên thì Tuyết Sơn trước vẫn có ngôi chùa Âm, nghĩa là chùa thờ ở hang núi, phải trèo lên 9 bậc đá, đục vào núi, đến chỗ cây giẻ gai rồi phải xuống hang. Nay 9 bậc đá vẫn còn, cây giẻ gai cũng còn, nhưng không tìm thấy chùa Âm ở đâu nữa. Từ sau khi nghĩa quân cất giấu nhiều thứ, rồi khởi nghĩa tan, chưa ai tìm thấy ngôi chùa đó. Đầu năm 1945, ông Vũ Văn Hoàn, nay 60 tuổi (1964) ở Phú Yên và một số thanh niên cùng làng đem đục, choòng, búa vào tìm, nhưng thấy nhiều phiến đá to lại không có mìn phá nên đành chịu. Ông Hoàn nói: “Lấy hòn đá bằng nắm tay thả xuống khe, hốt thấy tiếng hòn đá lăn lóc cóc rơi xuống sâu lắm, có thể ngờ đấy là chùa Âm chẳng?”

Hiện nay, bên cạnh đường đi vào, về bên tay trái, gần đến núi để leo lên động Tuyết Sơn còn

thấy cây thị to cao và xanh tốt, nơi xưa nghĩa quân đã dựng rạp hát. Hồi kháng chiến chống thực dân Pháp, tỉnh đội Hà Đông cũng đóng ở đây. Gần đó, về bên tay phải cũng ở cạnh đường đi vào còn thấy một cối đá đục hẵn và phiến đá nằm nhô lên mặt đất. Đây là cối của nghĩa quân để xay thóc nuôi quân. Hồi 9 năm đánh Pháp, nhân dân các nơi tản cư vào đây cũng đặt cần và sử dụng cối này để làm gạo ăn.

Cụ Đồng Văn Doãn, 68 tuổi (1964) ở làng Đục Khê kể rằng: cách đây độ ngót 50 năm, em cụ đi kiếm củi trong rừng Phú Yên bắt được một cái lọ ở gần đỉnh núi nhà Tho. Lọ này cao độ một thước ta (0,40m), hình thon, cổ thắt, miệng loe ra trông như lọ độc bình, chỗ phình to nhất, đường kính độ 6 tấc ta (0,24m). Lọ này, ngoài da sành, trong da chu, nhẵn lấm. Phần trên dầy bằng một cái nôi hai. Khi nậy ra thì chiếc nôi thủng và hỏng, vì lâu ngày nó cắn chặt lấy miệng lọ. Trong lọ đựng một chất mùn đen, đốt thử thấy cháy lòe lòe, mùi nọ bén sang mùi kia như ta đốt mụn vải, cái sớp vải cháy thế nào nó cháy thế ấy. Trước kia, người nhà cụ Doãn vẫn dùng cái lọ ấy để đựng chè hạt hay chè khô.

Hồi lính Pháp đóng chốt, dân làng phải tản cư cả. Đến lúc về được thì nhà cửa bị Tây đốt phá, cái lọ ấy cũng như các đồ đạc khác bị mất hết, có thể nó là cái lọ đựng thuốc súng của nghĩa quân ngày trước. Anh Nguyễn Văn Cận, cán sự bộ túc văn hoá thôn Hội Xá, năm 1953 cũng được một cái nôi, không vung, rác mùn trong nôi gần đầy, hình dáng là niêu đất, đất không có cạnh bằng đồng, thổi hết 2 bò gạo, cân nặng 1 kg, đường kính 0,15m, chiều cao từ đất nôi lên đến miệng là 0,13m. Miệng nôi sáng hơn đất nôi, cạo ra màu kim khí, ở miệng và đất nôi cũng khác nhau, phía trong đất nôi láng bóng. Anh Cận cho biết: đặc biệt nôi này đựng đất chua, không tanh đồng. Hiện nay nhà anh vẫn dùng nôi đó để thổi cơm hay kho nấu. Chưa biết nôi này làm vào niên đại nào, ai sử dụng? Có phải đây là dụng cụ nấu ăn của nghĩa quân hay không?

Một cây đèn 5 ngọn hiện nay để ở đền Trình làng Phú Yên. Có người bảo đó là một thứ đèn treo, cổ bằng sắt, từ trên tỏa xuống 5 cành, mỗi cành là một cái hoa, ở giữa mỗi cái hoa là một cái vòng tròn dùng để đặt đĩa dầu. Đèn Trình nay không dùng đèn đó nữa, vì người ta thấp đèn dầu hỏa cả.

GIẤY KHEN CỦA QUẢN ĐẠO VÀ PHÓ SỨ MỸ ĐỨC (HÀ ĐÔNG)

(Tài liệu này viết bằng chữ Hán sau khi nghĩa quân Tuyết Sơn tan, nhằm mục đích động viên, khen thưởng những tên tay chân đã dốc sức giúp thực dân Pháp thực hiện ý đồ xâm lược bình định Việt Nam).

Nguyên văn tài liệu như sau:

Mỹ Đức đạo, Đình quản đạo, Nguyễn phó quản đạo. Vì bằng cấp sự tiền kinh quan binh tiến tiểu Tuyết Sơn tự phỉ tự gian, hữu dân đình Nguyễn Văn Thiều, quán Hoàng An huyện, Phù Lưu thượng tổng, Yên Vĩ xã nãi năng tiên hướng sấn bạt phỉ kỳ định nhận đệ công văn phủ thuộc đắc lực (mất 2 từ) tướng thưởng cấp bằng đội trưởng dĩ thị khích khuyết trà lãnh sĩ chức đệ tỉnh án quán sức tri ngoại hợp hành bằng cấp. Thính xung vi thuộc đạo tòng phái cấp bằng đội trưởng thừa hành chư công vụ, nhược sơ sự, phát cần hữu công pháp lại tu trí bằng cấp đả. Hữu bằng cấp

thuộc đạo tông phái cấp bằng đội trưởng Nguyễn Văn Thiều chuẩn thủ.

Thành thái nhị niên, cứu nguyệt, nhị thập bát nhật.

Có đóng dấu: “*Mỹ Đức đạo ấn*” và dấu kèm “*Mỹ Đức*”

Vu & approuvé

Ba Tha le 10 Novembre, 1890

Le vice Résidence Mỹ Đức

Tên Tây ký thảo

Có đóng dấu tròn bằng mực xanh

(Vòng chữ xung quanh khắc:

Protectrat de l' An Nam du Tonkin)

Ở giữa có khắc dòng chữ:

Vice Ré sidence de Mỹ Đức.

Dịch nghĩa:

Đạo Mỹ Đức, quản đạo là ông họ Đinh, phó quản đạo là ông họ Nguyễn. Vì việc bằng cấp: trước nhân quan lính đi tiểu giặc đóng ở chùa Tuyết Sơn, có tên dân binh là Nguyễn Văn Thiều, quán Hòa An (tức huyện Mỹ Đức), tổng Phù Lưu thượng, xã

Yến Vĩ có xông vào cướp cờ của giặc và nhận đệ các công văn đều có đặc lực. Vậy nghị thưởng cấp cho tên ấy bằng đội trưởng để tỏ sự khuyến khích ngoài sự sẽ bảm lên quan trên và sức về bản quán. Nay cấp bằng này để cho xung vào tông phái của đạo. Cấp bằng đội trưởng thừa hành mọi việc công, nhuợc làm việc không siêng năng sẽ có phép công ở đó. Nay cấp bằng ấy, đây là bằng cấp thuộc đạo tông phái, cấp bằng đội trưởng cho Nguyễn Văn Thiều nhận lấy.

*Năm Thành Thái thứ hai, tháng 9, ngày 28.
Có đóng dấu: “Mỹ Đức đạo ấn” và dấu kèm “Mỹ Đức”.*

Xem và chuẩn y

Ba Thá ngày 10-11-1890

Phó sứ Mỹ Đức (tên Tây ký thảo)

Có đóng dấu tròn bằng mực xanh.

Vòng chữ xung quanh khắc:

Trung Kỳ và Bắc Kỳ bảo hộ

Tòa phó sứ Mỹ Đức

VỀ NGHĨA QUÂN TUYẾT SƠN

- Kể từ năm Sửu kể ra
Trời làm tháng tám mới ra thế này
Ở dưới Đồng Lạc⁽¹⁾ khi nay
5. Có tên người rầy gọi là Lý Yêm (Đê Yêm)
Trước làm lý trưởng có quyền
Vì chung thuế má cho nên thế này.
Nghĩ có phó Đa khi nay
Tình nghĩa thúc bá ngày rầy anh em.
Lý Yêm cũng chẳng có hèn
10. Làm nên tướng cướp anh em mất nhờ.
Đi thì đã bảy năm vừa
Mẹ thì chả biết, vợ thì cũng không.
Vợ thì trực tiết chờ chồng
Bỗng dưng trống rỗng cờ rong chảy về.
15. Xuống thuyền quân đã đông ghê
Quân của ông Đê về mở chợ nay (chợ Đại).
Thiên hạ họp chợ đông tây
Bắn khẩu súng này trong chợ phải tan.

⁽¹⁾ Thôn Đồng Lạc, xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng (Hà Nam) là quê hương của thủ lĩnh Đê Yêm. Làng Kiều Cô (còn gọi là ấp Cầu Go), nay thuộc xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng.

- Xong rồi chẩy đi các làng
20. Những quân bên Bắc kéo sang rì rì
 Kéo xuống Đồng Lạc một khi
 Báo ân báo oán trước thì phó Đa.
 Lấy của thì chớ đốt nhà
 Quân quyền hầu hạ nó “à” reo lên .
25. Đứa thì xúc lúa lấy tiền
 Đứa thì giở lại, vì khiêng đồ thờ
 Quan chánh truyền cho bầy giờ
 Quan nào đội ấy, đồ thờ khiêng lên
 Ông quản vác loa thu quân
30. Truyền cho lên đóng trên làng Kiều Cô⁽¹⁾

 Đến chiều mới lại mổ bò làm cơm.
 Thoạt đầu đóng những ông trên
 Liên bà, con trẻ hãi liên sợ thay.
35. Cướp đâu lại chẩy bắt ngày (ban ngày)
 Chúng ta cũng chả phải nay ra hầu.
 Vào chùa Tam Giáo⁽²⁾ đã lâu
 Quang Thừa⁽²⁾ giờ hầu lại xuống báo Tây.

⁽¹⁾ Làng Kiều Cô (còn gọi là ấp Cầu Go), nay thuộc xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng.

⁽²⁾ Chùa Tam Giáo, làng Quang Thừa đều thuộc xã Tượng Lĩnh

- Tây lên đánh trận ghê thay
40. Ta đánh trận này Tây cũng phải thua
Trống châu cử nổi lên trên chùa
Tây nghĩ đánh được chèo đua thuyền vào
Ta nấp trên núi cũng cao
Hễ thuyền nào vào ta bắn tứ tung.
45. Trên núi bắn xuống đùng đùng
Thấy Tây ngã xuống chèo vung ra ngoài.
Chết ông quan một, quan hai
Lính tập đã tài lại chết một đôi
Tây đồn tiến, bắt ta lùi
50. Xuống đình Mã Nã⁽¹⁾ đánh đôi trận liền
Tây nó vây chặt bốn bên
Cướp thì ở giữa, trong liền bắn ra.
Thoạt bắn chết ông quan ba
Ông phủ sợ hãi nằm ra mạn thuyền.
Ngọn đèn cắm trên nóc đình
55. Quan Tây lính tập đứng đen ngoài đồng
Cứ trông ngọn đèn bắn không

⁽¹⁾ Làng Mã Nã thuộc xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng

Bắn vào dùng dùng rung cả lá tre.

Cướp thì ở trong kéo ra

60. Kéo lên cho đến gọi là làng Yên (Phú Yên)

Chợ Đại⁽¹⁾ thì thấy hai phiên

Lấy những thuyền xét⁽²⁾ kéo lên làm đồn

Ta vào chùa Tuyết tranh sơn

Bắt phu làm đồn xây đá cho cao.

65. Xây thành, đắp lũy, khơi hào

Đứa thì kiếm củi, mang dao chặt củ⁽³⁾.

Làm đồn cho kín trong chùa

Đẻ ta ra ngự châu vua đế đình⁽⁴⁾

Cắt cho ông Hiệp⁽⁵⁾ liền anh

70. Giữa đồn cho cần xây thành cho cao

(1) Chợ Đại thuộc huyện Kim Bảng

(2) Thuyền xét: thuyền buôn bằng gỗ

(3) Chặt củ: chặt gốc cây

(4) Đẻ Yên khởi nghĩa Cần Vương, cho nên vẫn ngưỡng mộ nhà vua.

(5) Tướng Hiệp Cường

- Có đứa mang lối Tây vào
Trèo lên ngọn núi nom cao bằng giò⁽¹⁾
Một trăm khẩu súng bắn xuôi
Dưới đồn tan vỡ mỗi người một phương
75. Thoạt vỡ ở đồn Hiệp Cường
Bảo nhau ta nấp biết lên phương nào?
Trên núi bắn xuống rào rào
Bảo nhau ta nấp biết vào ở đâu?
Đến tối rút ra cho mau
80. Bấy giờ lạc tướng, biết đâu mà tìm
Có thầy đốc Cảnh, đốc Sơn⁽²⁾
Có thầy quản Cẩm⁽³⁾ ở trong đồn này.
Có ông phó đề đi đây
Lại có Đinh Ngọc(?) ngày rầy mới ra.

(1) Âm chỉ quèn Chó Cấn trong căn cứ Tuyết Sơn

(2) Đốc Sơn là anh em họ với Đề Yêm

(3) Đốc Cảnh và quản Cẩm là con nuôi Đề Yêm.